

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TTC2	7:25	19+3	0+0		17+5	0+0	
2		PPD+P6	7:25	8+14	0+0		0+18	0+0	
3		TTC1+P9+BK21	9:25	11+4+5	0+0+0		10+6+3	0+0+0	
4		TTC3+TD5+CTK3	9:25	16+0+3	0+0+0		13+5+0	0+0+0	
5		BK19+P8	11:25	5+15	0+0		0+15	0+0	
6		P6+GTTC1+CLO	11:25	11+10+0	0+0+0		9+10+3	0+0+0	
7		PPD+P10+P4	13:25	11+9+0	0+0+0		0+14+7	0+0+0	
8	Hug	BK10+BK15+P7	13:25	0+19+2	0+0+0		0+10+10	0+0+0	chuyển 1 BK10-BK15

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P8-5ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/08/2024	TO: TTC1 - P9 - BK21	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

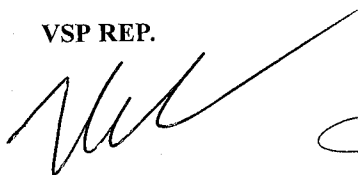
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CƯỜNG (HLO)	TTC1	01	1	4		48	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐẠI THANH	TTC1	87	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HUY	TTC1	86	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	88	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG THAI VIET	TTC1	07	1	12		74	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HOAN	TTC1	96-97	2	20		87	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIẾP	TTC1	76-77	2	21	30	75	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN NAM HAI	TTC1	98-99	2	16		80	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC BÌNH	TTC1	95	1	15		70	DVL	Vietnamese
10	PHẠM XUAN HUNG	TTC1	89	1	12		68	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUNG	TTC1	85	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	PHẠM CÔNG TUÂN	P9	86	1	5		58	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ QUANG MINH	P9	85	1	4	25	65	PSV	Vietnamese
14	BUI VĂN THUẬN	P9	70	1	7		78	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ LÊ NGỌC HOANG	P9	71	1	5		52	PSV	Vietnamese
16	LÊ TRI HAO (HLO)	BK21					65	KH-THAC	Vietnamese
17	HA XUAN THANH	BK21	76	1	5		108	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN KHANH HUNG	BK21	79	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ ANH CUONG	BK21	77-78	2	22	30	74	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ NHẬT QUI	BK21	80,100	2	17	35	65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

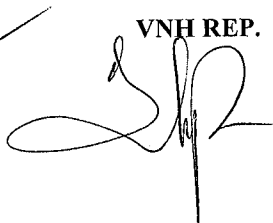
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	11	14	129	794	30	10		
2	P9	4	4	21	253	25	6		
3	BK21	5	6	56	382	65	3		
TOTAL		20	24	206	1.429	120	19		
WEIGHT KG				206	1.429	120			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/08/2024	TO: P8 - TTC2 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - HIEU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT DŨNG	P8					59	D-HANH	Vietnamese
2	BUI TRỌNG HÂN	P8	79	1	5		68	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THỰC	P8	92	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ TRƯỜNG SA	P8					71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	P8	82	1	3		51	KH-THAC	Vietnamese
6	MIKHAILOV E.	P8	74	1	5		90	KH-THAC	Russian
7	LAZAEN A	P8	83	1	5		82	KH-THAC	Russian
8	TRẦN VĂN QUÊ	P8	84	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	P8	80	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN THANH	P8	86	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	85	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI TRỌNG BÌNH (HLO)	P8	88	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH ĐỨC TRUNG	P8	73	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HỮU BẢO	P8	75-76	2	20		93	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TU ANH	P8	90-91	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	81	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	89	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8	77-78	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI QUÂN	P8	87	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
20	PHUNG MINH HIEU (HLO)	TTC2	64	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯU VĂN AN	TTC2	81	1	3	30	63	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VĂN TUÂN	TTC2					57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	19	20	142	1.416	0	16		
2	TTC2	3	2	8	195	30	5		
3	TD3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	150	1.611	30	22		
WEIGHT KG				150	1.611	30			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/08/2024	TO: PPD - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - N.CƯƠNG -	ETA: 09:25
CAM-1		THÀNH	

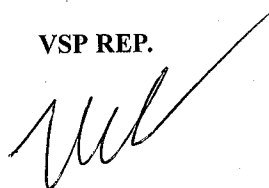
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH TUNG	PPD	79	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
2	LE QUỐC HUƠNG	PPD	72	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN SY MỸ	PPD	75-76	2	15	15	66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÀI	PPD	73-74	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THƯỢNG	PPD	77-78	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẠO HAI TUNG	PPD	71	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC THANH	PPD	80	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG HUY CẬN	PPD	81	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
9	CHERNHIAVSKII D.C	P6	25	1	10		114	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN VĂN SÁU	P6	78	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẠO TRƯỜNG SƠN	P6					82	KH-THAC	Vietnamese
12	LE XUÂN QUY	P6	77	1	4		75	YTE	Vietnamese
13	HÀ DUY ĐÔNG	P6	79	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TIẾN DUNG	P6	88	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN HOÀN	P6	89	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	84-85	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	90	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU NHAN	P6					75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG THỌ TAM	P6	76	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG THAI ANH	P6	80-81	2	8	15	78	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HIỆP	P6	83	1	10	5	82	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẠO MẠNH HUY	P6	82	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	11	114	552	15	0		
2	P6	14	14	99	1.148	20	18		
TOTAL		22	25	213	1.700	35	18		
WEIGHT KG				213	1.700	35			

GRAND TOAL: 1.948 KGS

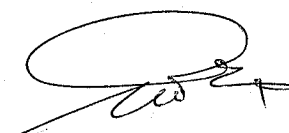
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/08/2024	TO: TTC3 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: <i>Thanh</i> N. CUONG -	ETA: 11:45
CAM-2		THANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐỨC THAI	TTC3	29-30	2	19		91	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC LAN	TTC3	50	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN CUONG	TTC3	51	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC DUNG	TTC3	33	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LOI	TTC3	32	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHUONG VAN MINH	TTC3	52	1	8	84	79	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU ĐỨC HUNG (HLO)	TTC3	31	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN BAC	TTC3	42	1	5	20	61	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN KHIÊM HIẾU	TTC3	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NHAN	TTC3	52	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ANH QUANG	TTC3	47	1	9	20	81	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN HUU VIET	TTC3	26	1	9		69	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BAO	TTC3	36	1	10		68	ANTOAN	Vietnamese
14	LÊ DUY AN	TTC3	46	1	10		125	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH VUONG	TTC3	27-28	2	14		102	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DINH TRUONG	TTC3	37	1	7		71	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SANG	TTC3	44-45	2	15	24	70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HUAN	TTC3	43	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN MANH LINH	TTC3	48-49	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	19	23	199	1.450	148	13		THAO 1 GHE DOI 2 CHO DE CHO HANG
2	TD5	0	0	0	0	60	5		
TOTAL		19	23	199	1.450	208	18		
WEIGHT KG				199	1.450	208			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/08/2024	TO: BK19 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	BK19	96	1	9	40	78	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN THAI	BK19	98	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	BK19	95	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
4	DOÀN VIỆT ĐỒNG	BK19	99	1	15	28	75	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK19	97	1	8		61	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	P8	45	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BÁC	P8	47	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG THẮNG	P8	58	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	44	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG TRI NAM	P8	49-50	2	8		84	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG PHÚC HÙNG	P8	51-52	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI TIẾN THÀNH	P8	54-55	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH BAY	P8	60-61	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ QUỐC TUẤN	P8	56-57	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC TÙNG	P8	59	1	10		70	YTE	Vietnamese
18	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	46	1	7		56	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HỮU	P8	48	1	9		65	PSV	Vietnamese
20	LÊ XUÂN ĐAM	P8	02	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK19	5	5	46	356	68	0		
2	P8	15	20	141	1.063	0	16		
TOTAL		20	25	187	1.419	68	16		
WEIGHT KG				187	1.419	68			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/08/2024	TO: P6 - GTC1 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO -	ETA: 14:05
CAM-3		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG HUY	P6	93	1	6	30	67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HỒNG GIANG	P6	95	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN TRỌNG TUƠNG	P6	96	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P6	29	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN KHANH	P6	600,01	2	9		62	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO KIM SÂM	P6	94	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH CHUNG	P6	04	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH QUỐC TRƯỜNG	P6	02-03	2	16		77	PSV	Vietnamese
9	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	P6	99	1	5		71	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	98	1	8		89	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	97	1	4		58	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P6	05-06	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ĐÌNH VINH	GTC1	29	1	10	75	64	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ QUANG VINH	GTC1	24-25	2	22		77	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ANH NGỌC	GTC1	30-31	2	20		56	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG TẤT HẠNH	GTC1	27-28	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN PHI HÙNG	GTC1	34-35	2	9		56	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH TÂM	GTC1	26	1	9		79	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐOÀN	GTC1	32	1	19		67	XAYLAP	Vietnamese
20	CU CHI CÔNG	GTC1	36-37	2	16		72	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ QUANG ĐƯƠNG	GTC1	33	1	16		68	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ TÁ HOÀN	GTC1	35-36	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	15	94	844	30	9		
2	GTC1	10	16	158	676	75	10		
3	CLO	0	0	0	0	2	3		
TOTAL		22	31	252	1.520	107	22		
WEIGHT KG				252	1.520	107			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/08/2024	TO: PPD - P10 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO -	ETA: 16:20
TRANG-4		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	PPD	55-56	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ NHU HUÂN	PPD	11-12	2	11		73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH ĐỨC	PPD	52	1	15		93	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ HUY DUÂN	PPD	04-05	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẠO QUỐC HÙNG	PPD	18,24	2	24		60	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN QUYÊN	PPD	57	1	15	20	74	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI TRỌNG TRIU	PPD	53	1	10	15	67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRẦN VINH	PPD	01	1	13		63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG QUYNH	PPD	06-07	2	12	12	72	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN QUANG VIỆT	PPD	09-10	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PPD	02-03	2	21		77	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	95-96	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC ĐĂNG	P10	88	1	15	10	65	XAYLAP	Vietnamese
14	BIỆN VĂN LƯƠNG	P10	86-87	2	22		75	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÔNG HOANG ĐỨC	P10	91	1	16		72	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT LÝ	P10	93	1	7		77	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN CHUYỀN	P10	85	1	7		68	PSV	Vietnamese
18	PHẠM BA KHANH	P10	94	1	8		74	PSV	Vietnamese
19	ĐẠO VĂN DUNG	P10	92	1	4		75	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HÒA	P10	90	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	18	170	769	47	0		
2	P10	9	11	96	652	10	14		
3	P4	0	0	0	0	12	7		
TOTAL		20	29	266	1.421	69	21		
WEIGHT KG				266	1.421	69			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP